

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐỒNG NAI**

**Bản án số: 16/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 15 - 9 - 2025
V/v “Xin ly hôn”**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Quyền Linh – Thư ký Tòa án

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 14 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thục T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp K54, xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai

Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông Bùi Việt T1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai

Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Thục T trình bày:**

Bà T và ông T1 có tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nay là xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai. Trước khi sống chung có tìm hiểu nhau trong thời gian 02 năm. Sau đó sống tại ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà T xin ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Ngọc Khánh Ngân, sinh ngày 18/10/2021. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà T và ông T1 không nợ ai và cũng không ai nợ lại

Về án phí: Bà T chịu án phí .

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn ông Bùi Việt T1 có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình làm việc ông T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T1 thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn như bà T trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 do bà T phát sinh tình cảm với người khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay ông T1 cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Thống nhất như bà T trình bày. Khi ly hôn, ông T1 đồng ý giao con tên Bùi Ngọc Khánh Ngân, sinh ngày 18/10/2021 cho bà T nuôi dưỡng, ông T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng tính từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong trường hợp bà T lấy chồng khác ông T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị Thục T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu vực 14 yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Bùi Việt T1 nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1 cư trú tại ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà T, ông T1 đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thục T và ông Bùi Việt T1 tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh,

tỉnh Bình Phước vào năm 2021. Nay là xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy bà T có đơn xin ly hôn với ông T1. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 cho tới nay, nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T1. Ông T1 cũng đồng ý ly hôn với bà T. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Bùi Ngọc Khánh Ngân, sinh ngày 18/10/2021. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 cũng đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng tính từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung và nợ: Bà T và ông T1 thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Ông T1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thục T được ly hôn với ông Bùi Việt T1.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thục T trực tiếp nuôi con tên Bùi Ngọc Khánh Ngân, sinh ngày 18/10/2021. Ông T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (*ba triệu đồng*), cấp dưỡng hàng tháng tính từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu Vực 14 – Đồng Nai, theo biên lai thu tiền số 0002585 ngày 23 tháng 6 năm 2025. Ông T1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Hội thẩm nhân dân
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

